TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 808/2025/DS-PT
Ngày: 25/7/2025
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự (góp vốn) và tranh chấp hợp đồng ủy quyền

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự (góp vốn) và tranh chấp hợp đồng ủy quyền".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 373/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông **Trịnh Duy T**, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ A, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Ông **Hoàng Văn P**, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ A, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Ông **Đoàn Duy Đ**, sinh năm 1983; địa chỉ: xóm B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã X, tỉnh Thanh Hóa).

4. Ông **Lưu Đình L**, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành T1**, sinh năm 1977; địa chỉ: khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/6/2024), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trịnh Văn A**, sinh năm 1983; địa chỉ: số E, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên lạc: số D, đường N, KDC T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Đoàn Thị S**, sinh năm 1983; địa chỉ: số E, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: số D đường N, KDC T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

2. Ông **Phạm Thành T2**, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ A, khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. **Văn phòng C1**; địa chỉ: thửa đất số 82 (ô 82) lô G19, khu dân cư L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: bị đơn ông **Trịnh Văn A**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày:

Khoảng tháng 5/2017, ông Trịnh Duy T, ông Hoàng Văn P, ông Đoàn Duy Đ, ông Lưu Đình L cùng ông Trịnh Văn A có góp tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 458, tờ bản đồ số 22, diện tích là 10.610,7m², trong đó có 200m² đất thổ cư và 10.410,7m² đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khi góp vốn để nhận chuyển nhượng đất, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ. Giá chuyển nhượng cho toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất là 4.250.000.000 đồng, như vậy mỗi người góp vào số tiền 850.000.000 đồng.

Ngày 21/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện B cập nhật biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ở số CH920270 cho ông Trịnh Văn A. Đến khoảng tháng 02/2023, qua tìm hiểu, ông T, ông P, ông Đ và ông L được biết phần đất thuộc quy hoạch Khu công nghiệp B mở rộng, được Công ty B thông báo kiểm kê nhận bồi thường nên các ông đã liên hệ cùng ông Trịnh Văn A để làm việc. Lúc này, vợ chồng ông Văn A trả lời đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá

nhân. Sau đó, các ông T, P, Đ, L đã rất nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Văn Anh C lại sổ để trả lại cho các ông nhưng ông Văn A đã cố tình né tránh, không hợp tác.

Đến tháng 6/2023, ông Trịnh Văn A và bà Đoàn Thị S đã thực hiện việc ủy quyền toàn bộ quyền sử dụng đất trên cho ông Phạm Thành T2 tại Văn phòng C1. Trên cơ sở ủy quyền, ông Phạm Thành T2 là người đã nhận toàn bộ số tiền đền bù 16.572.171.708 đồng tại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện B. Do đó, các ông Trịnh Duy T, Hoàng Văn P, Đoàn Duy Đ, Lưu Đình L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên hủy hợp đồng ủy quyền số 1329, quyển số 06/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/6/2023 tại Văn phòng C1 giữa ông Phạm Thành T2, ông Trịnh Văn A và bà Đoàn Thị S. Đồng thời, buộc ông Trịnh Văn A, bà Đoàn Thị S cùng ông Phạm Thành T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho các nguyên đơn Trịnh Duy T, Hoàng Văn P, Đoàn Duy Đ và Lưu Đình L số tiền theo tỷ lệ đã nhận là 13.257.600.000 đồng.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Trịnh Văn A trình bày:

Khoảng tháng 5/2017, ông Trịnh Duy T, ông Hoàng Văn P, ông Đoàn Duy Đ, ông Lưu Đình L cùng ông Trịnh Văn A có góp tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 458, tờ bản đồ số 22, diện tích 10.610,7m², trong đó có 200m² đất thổ cư và 10.410,7m² đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khi góp vốn để nhận chuyển nhượng đất, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ, giá chuyển nhượng cho toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất là 4.250.000.000 đồng, như vậy mỗi người góp vào số tiền 850.000.000 đồng.

Ngày 21/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện B cập nhật biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ở số CH920270 cho ông Trịnh Văn A. Đầu năm 2023, ông Văn A biết được phần đất này nằm trong quy hoạch Khu công nghiệp B mở rộng. Vì vậy, quyền sử dụng đất trên không thể chuyển nhượng được nhưng do cần tiền nên vào tháng 4-5/2023, ông Trịnh Văn A đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất trên cho ông Phạm Thành T2. Tuy nhiên, việc chuyển nhượng chỉ bằng hình thức ủy quyền thông qua Hợp đồng ủy quyền số 1329, quyển số 06/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/6/2023 tại Văn phòng C1. Bên cạnh đó, ông Văn A và ông T2 có nhờ Văn phòng T3 lập vi bằng để thể hiện việc chuyển nhượng và giao tiền. Số tiền ông Văn A nhận được từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên của ông Phạm Thành T2 là 7.900.000.000 đồng. Hiện nay, ông Trịnh Văn A đồng ý thanh toán cho ông Trịnh Duy T, ông Hoàng Văn P, ông Đoàn Duy Đ, ông Lưu Đình L số tiền 8.000.000.000 đồng, đồng thời không đồng ý yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa ông Phạm Thành T2, ông Trịnh Văn A và bà Đoàn Thị S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thành T2 trình bày: Ông Phạm Thành T2 và ông Trịnh Văn A không quen biết. Thông qua người quen giới thiệu nên tháng 6/2023, ông Phạm Thành T2 và ông Trịnh Văn A, bà Đoàn Thị S tiến hành giao dịch chuyển nhượng đối với phần đất thuộc thửa 458, tờ bản đồ số 22, diện tích là 10.610,7m², trong đó có 200m² đất thổ cư và 10.410,7m² đất trồng

cây lâu năm tọa lạc tại xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương. Do phần đất trên thuộc quy hoạch nên không thể ký hợp đồng chuyển nhượng được, do đó ông Trịnh Văn A, bà Đoàn Thị S và ông Phạm Thành T2 tiến hành chuyển nhượng bằng hình thức ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền được lập ngày 03/6/2023 tại Văn phòng C1. Bên cạnh đó, ông Phạm Thành T2 có liên hệ Văn phòng T3 lập vi bằng thể hiện việc giao nhận tiền cho ông Trịnh Văn A với số tiền là 7.900.000.000 đồng. Tháng 01/2024, trên cơ sở hợp đồng ủy quyền, ông Phạm Thành T2 đã liên hệ với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện B để nhận toàn bộ số tiền đền bù giá trị đất cùng tài sản trên đất, với số tiền là 16.572.171.708 đồng. Ngoài ra, khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Phạm Thành T2 nhận thấy đất do ông Trịnh Văn A đứng tên nên không biết có sự góp vốn và ông Trịnh Văn A cũng không thông báo cho ông Phạm Thành T2 biết về việc có người hùn vốn trong phần đất này. Do đó, việc chuyển nhượng của ông Phạm Thành T2 là hợp pháp nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hủy Hợp đồng ủy quyền số 1329, quyển số 06/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/6/2023 tại Văn phòng C1 giữa ông Phạm Thành T2, ông Trịnh Văn A và bà Đoàn Thị S. Ông T2 không đồng ý việc liên đới thanh toán số tiền đã nhận cho các nguyên đơn như yêu cầu của các nguyên đơn. Ông Phạm Thành T2 không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị S trình bày:

Thống nhất lời trình bày của ông Trịnh Văn A, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 trình bày:

Việc ký Hợp đồng ủy quyền số 1329, quyển số 06/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/6/2023 giữa ông Phạm Thành T2, ông Trịnh Văn A và bà Đoàn Thị S là phù hợp Luật Công chứng, do đó không đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn về việc hủy hợp đồng ủy quyền. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết; Văn phòng C1 có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Trịnh Duy T, ông Hoàng Văn P, ông Đoàn Duy Đ và ông Lưu Đình L đối với bị đơn ông Trịnh Văn A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thành T2, bà Đoàn Thị S về việc tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Trịnh Duy T, ông Hoàng Văn P, ông Đoàn Duy Đ và ông Lưu Đình L đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thành T2 về việc buộc ông Phạm Thành Trung liên Đ1 thanh toán số tiền bồi thường.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Trịnh Duy T, ông Hoàng Văn P, ông Đoàn Duy Đ và ông Lưu Đình L đối với bị đơn ông Trịnh Văn A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị S về việc tranh chấp hợp đồng dân sự (góp vốn).

Buộc ông Trịnh Văn A, bà Đoàn Thị S có trách nhiệm liên đới thanh toán cho các ông Trịnh Duy T, ông Hoàng Văn P, ông Đoàn Duy Đ và ông Lưu Đình L tổng số tiền 13.257.600.000 đồng (mười ba tỷ hai trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/4/2025, ông Trịnh Văn A có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trịnh Văn A là người kháng cáo có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Văn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bị đơn ông Trịnh Văn A kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Trịnh Văn A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị S, ông Phạm Thành T2, Văn phòng C1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 21/8/2017, ông Trịnh Văn A được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH920270 đối với thửa đất số 458, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương. Đến ngày 03/6/2023, ông Trịnh Văn A cùng vợ là bà Đoàn Thị S lập hợp đồng ủy quyền cho ông Phạm Thành T2 đối với quyền sử dụng đất trên tại Văn phòng C1 theo Hợp đồng ủy quyền số 1329, quyển số 06/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/6/2023. Trên cơ sở hợp đồng ủy quyền, ông Phạm Thành T2 đã nhận số tiền bồi thường 16.572.171.708 đồng.

[3] Các nguyên đơn cho rằng thửa đất số 458 là tài sản thuộc sở hữu chung do các bên cùng góp vốn, và ông A chỉ là người đứng tên đại diện. Do đó, việc ông A và bà S ủy quyền cho ông T2 khi chưa được các nguyên đơn đồng ý là

không đúng và hợp đồng ủy quyền này được lập ra nhằm che giấu một giao dịch chuyển nhượng khác, nên yêu cầu tuyên hợp đồng ủy quyền bị vô hiệu và buộc ông A, bà S và ông T2 phải liên đới chịu trách nhiệm trả lại số tiền tương ứng với phần góp vốn của các nguyên đơn là 13.257.600.000 đồng.

[4] Bị đơn ông Trịnh Văn A thừa nhận có việc cùng các ông Trịnh Duy T, Hoàng Văn P, Đoàn Duy Đ và Lưu Đình L góp vốn để nhận chuyển nhượng thửa đất số 458. Bị đơn đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho ông T2 thông qua Hợp đồng ủy quyền ngày 03/6/2023 với số tiền 7.900.000.000 đồng nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và chỉ chấp nhận trả lại cho các nguyên đơn tổng số tiền 8.000.000.000 đồng.

[5] Ông Phạm Thành T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng ông đã thỏa thuận chuyển nhượng với ông A, bà S theo Hợp đồng đặt cọc ngày 05/4/2023 và sau đó hai bên ký hợp đồng ủy quyền thay vì hợp đồng chuyển nhượng. Ông T2 đã giao đủ tiền theo thỏa thuận chuyển nhượng được thể hiện tại vi bằng và không biết việc góp vốn hay thỏa thuận nào khác giữa các bên.

[6] Xét, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng ủy quyền ngày 03/6/2023 giữa ông A, bà S và ông T2 là vô hiệu và buộc ông A, bà S phải liên đới cùng ông T2 thanh toán số tiền 13.257.600.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không tuyên hợp đồng ủy quyền vô hiệu và không buộc ông T2 phải chịu trách nhiệm liên đới. Nguyên đơn không kháng cáo, bị đơn chỉ kháng cáo về số tiền bồi thường là 8.000.000.000 đồng. Như vậy, các phần quyết định không kháng cáo đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại các vấn đề liên quan đến tính hợp pháp của hợp đồng ủy quyền và trách nhiệm liên đới của ông T2. Căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét vụ án trong phạm vi kháng cáo của bị đơn là ông Trịnh Văn A.

[7] Ông Trịnh Văn A thừa nhận việc ông A cùng các ông Trịnh Duy T, Hoàng Văn P, Đoàn Duy Đ và Lưu Đình L góp vốn để nhận chuyển nhượng thửa đất số 458, và ông là người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận. Ngày 12/01/2024, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B đã chi trả số tiền bồi thường 16.572.171.708 đồng cho toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mà các bên đã góp vốn. Như vậy, mặc dù khi góp vốn các bên không lập hợp đồng, không thỏa thuận về tỷ lệ vốn góp, phương thức phân chia lợi nhuận, nhưng căn cứ vào số tiền đã thanh toán ban đầu và số người góp vốn thì tỷ lệ của mỗi người là 1/5, tương đương 850.000.000 đồng/4.250.000.000 đồng. Với số tiền bồi thường nhận được là 16.572.171.708 đồng, phần của mỗi người sẽ là 3.314.434.341 đồng (16.572.171.708 đồng/5 người). Do đó, tổng số tiền bốn nguyên đơn được nhận là 13.257.737.364 đồng. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện bổ sung, các nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền 13.257.600.000 đồng, yêu cầu này thấp hơn số tiền được hưởng theo phân chia và có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp. Ông Trịnh Văn A và bà Đoàn Thị S thừa nhận đã nhận từ ông Phạm Thành T2 số tiền 7.900.000.000 đồng và đã sử dụng chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Trịnh Văn A và bà Đoàn Thị S có trách nhiệm liên

đới thanh toán cho các ông Trịnh Duy T, Hoàng Văn P, Đoàn Duy Đ, Lưu Đình L số tiền 13.257.600.000 đồng là có căn cứ.

[8] Ông Trịnh Văn A kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, kháng cáo của ông A không được chấp nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Văn A.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Văn A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001211 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Tòa Phúc thẩm – TAND tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (18), 72.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết